

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (8 TTHC)				
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (1.013931)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (1.013939)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002248)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011812)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không.	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
5	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (2.001137)	53 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không có	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
6	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011814)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không có	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT- BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.
7	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (1.011815)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không có	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.
8	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (1.011816)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có.	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			tỉnh/cấp xã.		ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.
II	Lĩnh vực sở hữu trí tuệ (8 TTHC)				
1	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013955)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đồng - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.
2	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ:	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12,

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	(1.013974)	hợp lệ	https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
3	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. (1.013916)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng. - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng. Kể từ ngày	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				01/01/2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000 đồng.	
4	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. (1.013919)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 150.000 đồng. - Lệ phí cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				lại Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000 đồng.	
5	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. (1.013928)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (1.013956)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ:	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12,

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ	https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	công nghiệp: 250.000 đồng	Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
7	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (1.013958)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023.
8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011938)	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ:	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	công nghiệp: 250.000 đồng.	- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/ 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
III	Lĩnh vực tần số vô tuyến điện (20 TTHC)				
1	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. (2.002777)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. (2.002778)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá (2.002775)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. (2.002779)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov .vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư. (2.002781)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
6	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư (2.002782)	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
7	Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư. (2.002776)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
8	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối	11 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ,	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ:	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	với đài vô tuyến điện nghiệp dư. (2.002787)	đúng quy định	https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
9	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) (2.002783)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
10	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) (2.002784)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
11	Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) (2.002785)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn;	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) (2.002786)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					14/11/2016.
13	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. (2.002788)	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
14	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. (2.002789)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn; - Nộp trực tiếp hoặc qua	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
15	Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng	- Nộp trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ:	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	bộ. (2.002780)	quy định.	https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
16	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002790)	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
17	Thủ tục cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư (1.013935)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
18	Thủ tục cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư (2.002793)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
19	Thủ tục cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải (2.002791)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
20	Thủ tục cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải (2.002792)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 và Luật số 09/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
IV	Lĩnh vực Viễn thông và Internet (10 TTHC)				
1	Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	viễn thông cố định mặt đất). (1.013899)		dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2	Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. (1.013900)	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov .vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov .vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	số 163/2024/NĐ-CP. (1.013902)				Tài chính.
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. (1.013904)	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5	Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thuộc trung ương. (1.013905)				Tài chính.
6	Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). (1.013906)	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7	Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013907)	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8	Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông	15 ngày kể từ ngày kết thúc	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). (1.013976)	thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	đồng/giấy phép	- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính.
9	Thủ tục phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá. (1.013910)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Lệ phí: 350.000 đồng/lần	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03/6/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
10	Thủ tục hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá. (1.013911)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia qua địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục	Không có	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03/6/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		- Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
2	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
3	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Nghị định số 15/2026/NĐCP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ